

Số: 24 /2017/QĐ-UBND

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 6 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định giá tiêu thụ nước sạch phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất,
kinh doanh và dịch vụ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính - Bộ Xây dựng - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 88/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định giá tiêu thụ nước sạch phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất kinh doanh và dịch vụ áp dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

1. Đơn giá.

a) Áp dụng tại khu vực đô thị (các phường, thị trấn thuộc các huyện, thị xã, thành phố):

STT	Đối tượng sử dụng	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ nghèo.	đồng/m ³	5.000
2	Sử dụng vào mục đích sinh hoạt.	đồng/m ³	9.000

3	Sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh và dịch vụ.	đồng/m ³	11.000
---	---	---------------------	--------

Đơn giá trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt.

b) Áp dụng tại khu vực nông thôn (*các xã thuộc huyện, thị xã, thành phố*):

STT	Đối tượng sử dụng	Đơn vị tính	Mức giá
1	Hộ nghèo.	đồng/m ³	4.500
2	Sử dụng vào mục đích sinh hoạt (<i>trừ đối tượng sử dụng nước là đơn vị lực lượng vũ trang, công an, bệnh viện, trường học; cơ quan, đoàn thể, cơ sở tôn giáo, đơn vị sự nghiệp quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này</i>).	đồng/m ³	8.200

Đơn giá trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (*không tính thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt*).

Đối với đối tượng sử dụng nước sạch vào mục đích sinh hoạt là đơn vị lực lượng vũ trang, công an, bệnh viện, trường học; cơ quan, đoàn thể, cơ sở tôn giáo, đơn vị sự nghiệp quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này và đối tượng sử dụng nước sạch vào mục đích sản xuất, kinh doanh và dịch vụ quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này thì thu theo đơn giá quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

2. Đối tượng sử dụng nước.

a) Hộ nghèo: là đối tượng có sổ hộ nghèo và sử dụng không quá 08 m³/hộ/tháng; trường hợp sử dụng từ mét khối (m³) thứ 09 trở lên, thu theo đơn giá 9.000 đồng/m³ đối với hộ tại khu vực đô thị, theo đơn giá 8.200 đồng/m³ đối với hộ tại khu vực nông thôn.

b) Sử dụng nước sạch vào mục đích sinh hoạt: hộ sử dụng nước sạch cho mục đích sinh hoạt tính theo từng hộ gia đình, cho từng đồng hồ đo nước đã ký hợp đồng sử dụng nước với đơn vị cấp nước; cán bộ, công nhân, viên chức, người lao động, học sinh, sinh viên đang ở trong phòng trọ, nhà cho thuê với điều kiện phải có giấy chứng minh nhân dân hoặc giấy tờ tùy thân khác hợp lệ và phải có hợp đồng thuê nhà với hộ chính từ 12 tháng trở lên; đơn vị lực lượng vũ trang, công an, bệnh viện, trường học; cơ quan, đoàn thể, cơ sở tôn giáo, đơn vị sự nghiệp.

c) Sử dụng nước sạch vào mục đích sản xuất, kinh doanh và dịch vụ:

- Cơ sở sản xuất vật chất, bao gồm: khu công nghiệp, khu chế xuất; văn phòng đại diện các công ty, xí nghiệp; cơ sở, đơn vị sản xuất, chế biến, gia công; cơ sở chăn nuôi, giết mổ, xử lý chất thải, lò thiêu; nước phục vụ cho công trình xây dựng; nhà máy sản xuất điện.

- Cơ sở kinh doanh, dịch vụ bao gồm: khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ, nhà trọ, nhà cho thuê, kinh doanh ăn uống, giải khát; cơ sở thẩm mỹ, giặt ủi, hồ bơi, khu vui chơi giải trí; khu chợ, siêu thị, đại lý, cửa hàng thương mại; dịch vụ cấp

nước cho ghe, tàu, thuyền, xe bồn, dịch vụ rửa xe; kinh doanh điện, bưu chính, viễn thông, ngân hàng, tổ chức tín dụng; đơn vị sản xuất, kinh doanh nước đá, rượu, bia, kem, nước giải khát; các hoạt động của tổ chức, cá nhân mang tính chất kinh doanh khác.

d) Đối tượng khác: ngoài các đối tượng nêu trên, Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường Đô thị Đồng Tháp được áp dụng giá trên cơ sở thỏa thuận giữa Công ty với khách hàng theo từng đối tượng dự án đầu tư, nhưng mức giá thỏa thuận không được cao hơn mức giá quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2017; thay thế Quyết định số 77/2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc quy định mức giá tiêu thụ nước sạch phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, Quyết định số 05/2017/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc sửa đổi Điều 2 Quyết định số 77/2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc quy định giá tiêu thụ nước sạch phục vụ cho sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Giá tiêu thụ nước sạch quy định tại Quyết định này được áp dụng kể từ tháng 8 năm 2017.

Đơn vị cung cấp nước sạch theo Quyết định này là Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện; đồng thời thông báo mức giá tiêu thụ nước sạch trên các phương tiện thông tin đại chúng để các đối tượng sử dụng biết, thực hiện.

Giám đốc Sở Tài chính theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Công ty Cổ phần Cấp nước và Môi trường đô thị Đồng Tháp; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Đoàn ĐBQH đơn vị Tỉnh;
- TT/TU, TT/HĐND Tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT/UBND Tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP/UBND Tỉnh;
- Cổng Thông tin Điện tử Tỉnh;
- Công báo;
- Lưu: VT, KTTH.HS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Châu Hồng Phúc